

NHỮNG BIẾN ĐỔI VỀ ĐỜI SỐNG TINH THẦN CỦA NGƯỜI VIỆT NAM QUA CÁC LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG

Đặng Quang Định (*)

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Triết học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Email: dinhhcma@gmail.com

Nhận ngày 5 tháng 6 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 30 tháng 7 năm 2020.

Tóm tắt: Việt Nam là quốc gia có kho tàng văn hóa dân gian đặc sắc. Trong kho tàng văn hóa ấy, lễ hội là vùng văn hóa đặc trưng nhất. Lễ hội là hình thức sinh hoạt tổng hợp bao gồm các mặt tinh thần và vật chất, tôn giáo tín ngưỡng và văn hóa nghệ thuật, linh thiêng và đời thường... Đó là những sinh hoạt có sức hút lớn trong đời sống xã hội. Trong tổng số hơn 9000 lễ hội ở Việt Nam, có khoảng 7000 lễ hội truyền thống và được phân bố rộng khắp cả nước. Việc nghiên cứu những biến đổi về đời sống tinh thần của người Việt qua các lễ hội truyền thống góp phần xây dựng đời sống tinh thần và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Từ khóa: Lễ hội, lễ hội truyền thống Việt Nam, đời sống tinh thần.

1. Lễ hội truyền thống của người Việt - Một số nội dung cơ bản

Lễ hội là một hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian phổ biến có ở hầu hết các dân tộc Việt Nam. *Lễ hội* ra đời từ rất sớm và đã tồn tại, phát triển qua nhiều thời đại. Cho đến nay, mặc dù tên gọi và cách diễn đạt tuy có khác nhau, nhưng có thể hiểu lễ hội là những hình thức sinh hoạt tổng hợp bao gồm các mặt tinh thần và vật chất, tôn giáo tín ngưỡng và văn hóa nghệ thuật, linh thiêng và đời thường... là sinh hoạt có sức hút số lượng lớn những hiện tượng của đời sống xã hội. Nếu như *lễ* là phần đạo (thuộc về đời sống tâm linh), thì *hội* là phần đời (cuộc sống đời thường), là khát vọng của mọi thành viên trong cộng đồng vươn tới

những điều tốt đẹp. Những khát vọng đó thường được khái quát hóa, lý tưởng hóa hay nhân cách hóa bởi những nghi thức hay những hoạt động cụ thể, sinh động và cũng rất đời thường. Cho nên, phần hội thường được kéo dài hơn so với phần lễ và được diễn ra sôi động hơn, vui vẻ hơn.

Như vậy, lễ hội được cấu thành bởi hai yếu tố “lễ” (mặt tinh thần, tôn giáo, tín ngưỡng, linh thiêng) và “hội” (mặt vật chất, văn hóa nghệ thuật, đời thường). Lễ và hội tuy là hai yếu tố độc lập nhưng không tách rời nhau, nó hòa quyện vào nhau để biểu thị một giá trị nào đó của cộng đồng. “Lễ” không thể trở thành “hội” nếu nó chỉ gồm những nghi thức. Chẳng hạn, trong nghi thức tôn giáo có lễ trừ tịch,

lễ cầu mưa, lễ cơm mới, lễ động thổ... Mặc dù những nghi thức ở những hoạt động này diễn ra rất nghiêm túc, có nhiều người tham gia nhưng đó mới chỉ là “lễ” chưa phải là “hội”. Cũng như vậy, “hội” là hoạt động, trò diễn có tính nghi thức, theo một kịch bản, mang tính ổn định với sự tham gia của nhiều người, nhưng không phải mọi hoạt động đó đều là “hội” của “lễ”. Nói cách khác, “hội” gắn với “lễ” là các hoạt động, các trò diễn có tính lễ nghi, có nhiệm vụ bổ sung cho lễ, hoàn chỉnh ý nghĩa và nội dung của sinh hoạt cộng đồng ở một nơi nhất định. Như vậy, *lễ hội* là khái niệm để biểu đạt những nội dung sau:

Thứ nhất, những lễ nghi phản ánh tư tưởng, tình cảm của chủ thể với đối tượng được cử lễ.

Thứ hai, những trò diễn để biểu đạt suy nghĩ, tình cảm, nguyện vọng, thái độ của một cộng đồng xã hội.

Thứ ba, có sự tham gia đông đảo của cộng đồng người tại một địa điểm, được trao truyền từ thế hệ nọ sang thế hệ kia.

Ở Việt Nam, lễ hội có mặt ở khắp mọi miền đất nước, với nhiều loại hình khác nhau. Tuy nhiên, lễ hội lại là loại hình được sưu tầm, nghiên cứu muện. Theo cuốn *Kho tàng lễ hội cổ truyền Việt Nam*¹, từ thế kỷ thứ X đến năm 1858 các nhà nho chỉ quan tâm chép lại huyền thoại, thần tích về các thần mà ít ghi chép sự phụng thờ các vị thần ấy.

Thời kỳ Pháp thuộc, những nghiên cứu sớm nhất về lễ hội là của G.Dumoutier viết về lễ hội làng Phù Đổng, được in trên *Revue d'histoire des religions* năm 1893.

Đến những năm đầu thế kỷ XX, người Pháp nghiên cứu nhiều hơn về lễ hội để “cai trị tốt hơn dân tộc thuộc địa”, như lời nói của Toàn quyền Đông Dương P.Doumer. Do vậy, những nghiên cứu về lễ hội ở Việt Nam, nhất là ở Huế được đẩy mạnh.

Năm 1915, trong cuốn *Việt Nam phong tục*, Phan Kế Bính viết nhiều về việc thờ thần, việc tế tự, nhập tịch, đại hội, lễ kỷ an² và có những nhận xét rất xác đáng. Tuy nhiên, người có nghiên cứu sâu sắc và tiếp thu được nhiều kinh nghiệm của học thuật Pháp phải kể đến Nguyễn Văn Huyền. Các công trình *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam* hay các bài báo giới thiệu lễ hội trên các báo *Phong hóa*, *Trung Bắc Chủ nhật*, *Ngày nay...* của Nguyễn Văn Huyền đã cho thấy ông có nghiên cứu rất sâu sắc về lễ hội, nhất là lễ hội *Giá* (Hoài Đức, Hà Nội) và *Phù Đổng* (Gia Lâm, Hà Nội). Năm 1938, trong cuốn *Việt Nam văn hóa sử cương*³, Đào Duy Anh có đề cập đến lễ hội cổ truyền trong phần *Tín ngưỡng và tế tự*.

Giai đoạn từ 1945 đến 1954, do ảnh hưởng của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, lễ hội không được tổ chức nên việc nghiên cứu lễ hội ít được đề cập. Giai đoạn từ 1954 đến 1975, do đất nước tạm thời chia cắt nên việc nghiên cứu lễ hội ở hai miền có điểm khác nhau.

¹ Xem: Nhiều tác giả (2000), *Kho tàng lễ hội cổ truyền Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc - Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội, tr.15.

² Xem: *Việt Nam phong tục* (1990), tái bản, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, tr.75-109.

³ Xem: *Việt Nam văn hóa sử cương* (1992), tái bản, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, tr.225-244.

Ở miền Nam trên các tạp chí *Văn hóa nguyệt san*, *Bách khoa*, *Phổ thông*, *Tư tưởng*... vẫn có những bài của Nguyễn Đăng Thục và Toan Ánh. Nếu Nguyễn Đăng Thục dùng lễ hội cổ truyền để phân tích tư tưởng bình dân Việt Nam, là phương tiện tiếp cận lịch sử tư tưởng Việt Nam, thì Toan Ánh trong *Đất lễ quê thói - phong tục Việt Nam*⁴ và *Nếp cũ làng xóm Việt Nam*⁵ lại coi lễ hội là mục đích tiếp cận, đối tượng miêu tả và nghiên cứu của ông. Ngoài ra, sau năm 1954, bên cạnh Nguyễn Đông Chi còn có Nguyễn Hồng Phong⁶, Cao Huy Đình⁷ đã tiếp tục góp phần nghiên cứu về lễ hội cổ truyền miền Bắc Việt Nam.

Sau năm 1975, có nghiên cứu của Lê Thị Nhâm Tuyết^{8,9}, Đặng Văn Lung, Hồng Thao, Trần Linh Quý¹⁰, Tô Nguyễn và Trịnh Nguyễn¹¹, Thu Linh và Đặng Văn Lung¹², Đinh Gia Khánh¹³, Lê Trung Vũ, Ngô Đức Thịnh, Phan Đăng Nhật, Nguyễn Xuân Kính, Lê Văn Kỳ trong công trình *Lễ hội cổ truyền của người Việt ở Bắc Bộ*, hay Phan Hữu Dật, Lê Ngọc Thắng, Lê Sĩ Giáo, Lâm Bá Nam¹⁴, Bùi Thiết¹⁵, Thạch Phương, Lê Trung Vũ¹⁶, Hồ Hoàng Hoa¹⁷, Trần Đăng Sinh¹⁸, Phạm Văn Xây¹⁹, Tạ Ngọc Tấn²⁰...

Các công trình nghiên cứu trên đây đều coi lễ hội là một loại hình sinh hoạt văn hóa dân gian tổng hợp, vừa độc đáo, vừa phong phú; là hình ảnh thu nhỏ của nền văn hóa dân gian, với các hình thức văn học (truyền thuyết, thần thoại, thần tích, thần phả, văn tế, văn bia, ca dao, hò vè...); nghệ thuật biểu diễn (diễn xướng, sân khấu, dân ca, dân vũ, dân nhạc...); tôn

giáo, phong tục và tín ngưỡng (nghỉ lễ, nghi thức, trò chơi, trò diễn dân gian, tục lệ, thờ cúng, đức tin...). Lễ hội gắn bó với làng xã, địa danh, vùng đất như một thành tố không thể thiếu vắng, nhằm thỏa mãn nhu cầu tâm linh và củng cố ý thức cộng đồng. Nhiều yếu tố văn hóa tinh thần được lễ hội bảo lưu và trao truyền từ đời này sang đời khác, trở thành di sản văn hóa vô giá của dân tộc. Lễ hội là cầu

⁴ Đinh Gia Khánh (1989), *Trên đường tìm hiểu văn hóa dân gian*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

⁵ *Đất lễ quê thói - phong tục Việt Nam* (1970), Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

⁶ Toan Ánh (1965), *Nếp cũ làng xóm Việt Nam*, Sài Gòn.

⁷ *Xã thôn Việt Nam* (1959), Nxb Văn Sử Địa, Hà Nội, tr.201-218.

⁸ Cao Huy Đình (2015), *Người anh hùng làng Đông* (tái bản), Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.

⁹ Xem: Tạp chí Dân tộc học, số 2-1976, tr.23.

¹⁰ Xem: Tạp chí Văn hóa dân gian, số 1-1984 và số 1-1985.

¹¹ Đặng Văn Lung, Hồng Thao, Trần Linh Quý (1978), *Quan họ nguồn gốc và quá trình phát triển*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

¹² Tô Nguyễn, Trịnh Nguyễn (1981), *Kinh Bắc - Hà Bắc*, Nxb Văn hóa, Hà Nội 1981.

¹³ Thu Linh, Đặng Văn Lung (1984), *Lễ hội truyền thống và hiện đại*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.

¹⁴ Phan Hữu Dật, Lê Ngọc Thắng, Lê Sĩ Giáo, Lâm Bá Nam (1993), *Lễ hội cầu mùa của các dân tộc Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

¹⁵ Bùi Thiết (1993), *Từ điển hội lễ Việt Nam*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.

¹⁶ Thạch Phương, Lê Trung Vũ (1995), *60 lễ hội truyền thống Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

¹⁷ Hồ Hoàng Hoa (1998), *Lễ hội - một nét đẹp trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

¹⁸ Trần Đăng Sinh (2003), *Những khía cạnh triết học trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt ở đồng bằng Bắc bộ hiện nay*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

¹⁹ Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, số 345, tháng 3-2013.

²⁰ Tạ Ngọc Tấn (chủ biên) (2015), *Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Việt Nam*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.

nổi giữa quá khứ với hiện tại, giúp cho thể hệ hôm nay hiểu được công lao của cha ông và thêm tự hào về truyền thống của quê hương, đất nước.

Chứa đựng và phản ánh nhiều mặt của cuộc sống kinh tế, văn hóa, xã hội, lễ hội là chỗ dựa tinh thần để mỗi người hướng về tổ tông, dòng tộc, về thế giới tâm linh và gắn bó với thiên nhiên, từ đó thêm thăng hoa trong một không khí vui vẻ, trang nghiêm, vừa trần tục, vừa linh thiêng. Rõ ràng, lễ hội là sinh hoạt cộng đồng để mỗi người cùng nhau chuẩn bị lễ vật và trò diễn, vui chơi, giao cảm, hưởng thụ các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể. Lễ hội đáp ứng một cách hiện thực, hiệu quả đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân trong tổ chức các nghi lễ và hưởng thụ các hoạt động “hội”, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của các vùng, miền, tri ân công đức các anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa, các bậc tiền bối đã có công dựng nước và giữ nước. Qua sinh hoạt lễ hội, nhân dân được hưởng thụ và sáng tạo văn hóa.

Có thể nói, những lễ hội ở Việt Nam được đề cập trong các công trình nêu trên là những lễ hội truyền thống (đã có lâu đời, gắn với sự hình thành và phát triển của các cộng đồng dân cư) để phân biệt với lễ hội mới, (gắn với các sự kiện lịch sử hiện đại, cách mạng)...

Lễ hội truyền thống mang 3 đặc trưng cơ bản:

Thứ nhất, lễ hội truyền thống gắn với đời sống tâm linh, tôn giáo tín ngưỡng và mang tính thiêng, do vậy nó thuộc thế

giới thần linh, thiêng liêng, đối lập với đời sống trần gian, trần tục. Tính tâm linh và linh thiêng được thể hiện thông qua các lễ nghi, trò diễn của lễ hội vượt lên trên thế giới hiện thực, trần tục của đời sống thường ngày, nó nhân cách hóa sức mạnh của con người, làm bay bổng khát vọng của con người trần tục. Ví dụ, diễn xướng ba trận đánh giặc Ân trong Hội Gióng²¹ (huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội), diễn xướng cờ lau tập trận trong lễ hội Cổ đô Hoa Lư²² (tỉnh Ninh Bình)...

Thứ hai, lễ hội truyền thống là một sinh hoạt văn hóa mang tính hệ thống tính phức hợp, một hiện tượng văn hóa dân gian tổng thể, bao gồm gần như tất cả các phương diện khác nhau của đời sống xã hội của con người: Sinh hoạt tín ngưỡng, nghi lễ, phong tục, giao tiếp và gắn kết xã hội, các sinh hoạt diễn xướng dân gian (hát, múa, trò chơi, sân khấu...), các cuộc thi tài, vui chơi, giải trí, ẩm thực, mua bán... Không có một sinh hoạt văn hóa truyền thống nào ở Việt Nam lại nổi bật như lễ hội truyền thống.

²¹ Đây là lễ hội truyền thống được tổ chức để tưởng nhớ và ca ngợi chiến công của người anh hùng Thánh Gióng, một trong tứ bất tử của tín ngưỡng dân gian Việt Nam - người có công đánh thắng giặc Ân, mở đầu trang sử vàng son chống ngoại xâm.

²² Lễ hội Cổ đô Hoa Lư đã được bắt đầu ngay khi nhà Lý dời đô về Thăng Long - Và trên nền móng của cung điện Hoa Lư, hai ngôi đền thờ vua Đinh và vua Lê được tạo dựng. Để có được một hình thức lễ hội như hiện nay là cả một quá trình, trong đó hòa quyện những sự kiện lịch sử và truyền thuyết dân gian. Hình thức của lễ hội gồm có: Lễ rước nước, Lễ dâng hương, Lễ rước lửa, Tập trận cờ lau, Tế nữ quan, Kéo chữ, múa rồng lân, thổi cơm thi và những tiết mục biểu diễn, thi đấu quen thuộc đối với nhiều lễ hội truyền thống dân gian khác.

Thứ ba, chủ thể của lễ hội cổ truyền là cộng đồng, đó là cộng đồng làng, cộng đồng nghề nghiệp, cộng đồng tôn giáo tín ngưỡng, cộng đồng thị dân và lớn hơn cả là cộng đồng quốc gia dân tộc. Cộng đồng chính là chủ thể sáng tạo, hoạt động và hưởng thụ các giá trị văn hóa của lễ hội.

Ba đặc trưng trên quy định tính chất, sắc thái văn hóa, cách thức tổ chức, thái độ và hành vi, tinh cảm của những người tham gia lễ hội, phân biệt với các loại hình lễ hội khác như lễ hội mới, lễ hội sự kiện, các loại Festival...

Trong đời sống tinh thần của người Việt Nam, lễ hội truyền thống có giá trị cổ kết và biểu dương sức mạnh cộng đồng, cân bằng đời sống tinh thần, là cội nguồn của sự sáng tạo và dung dưỡng tâm hồn, tư tưởng, lối sống, cốt cách của mỗi con người và cộng đồng người nhất định.

Với sự đa dạng về văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo, phong tục tập quán, lễ hội ở Việt Nam thể hiện những đặc trưng chung của sinh hoạt cộng đồng. Lễ hội có tính phức hợp, có ý nghĩa tâm linh, tín ngưỡng sâu sắc. Thông qua các *lễ thức* và các *trò diễn*, người Việt Nam thể hiện quan niệm sâu sắc, về triết lý nhân sinh, về cuộc sống. Những quan niệm về sự tôn thờ, sự tưởng nhớ đối với những anh hùng dân tộc, với Thành hoàng làng, với đấng sinh thành; quan niệm về đời sống, tâm linh, tín ngưỡng; những ước mong của con người trong cuộc sống, lao động, sản xuất, khát vọng về sự sinh sôi nảy nở, sự cầu mong cho mưa thuận, gió hòa, cuộc sống đầy đủ, sung túc đã thể hiện rất rõ điều đó.

Lễ hội truyền thống Việt Nam được chia làm các loại hình cơ bản sau:

Một là, những lễ hội mang tính chất lịch sử, phản ánh cuộc đấu tranh giữ nước, giữ làng, tưởng nhớ đến các nhân vật anh hùng, các vị vua của các triều đại, các danh nhân, như Hội Gióng (ở Thành phố Hà Nội) - gắn với Thánh Gióng, nhân vật tiêu biểu trong truyền thuyết Việt Nam; Đền Trần²³ (ở tỉnh Nam Định - gắn với di tích của anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo và các vua Trần); lễ hội đền Cổ Loa²⁴ (Thành phố Hà Nội - gắn với truyền thuyết về An Dương Vương, vị vua của nước Âu Lạc, nhà nước thứ hai trong lịch sử Việt Nam), lễ hội Hai Bà Trưng²⁵ (đền Đồng Nhân, Thành phố Hà Nội)... Lễ hội ở loại hình này nhằm tưởng niệm và ca ngợi chiến công của những người anh hùng có công đối với dân tộc với đất nước.

Hai là, những lễ hội phản ánh đời sống tinh thần, phong tục, tín ngưỡng, tôn giáo, tâm linh của nhân dân, như lễ hội Phù Dày²⁶ (huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định), lễ

²³ Lễ hội Đền Trần là một trong những lễ hội truyền thống lớn, niềm tự hào của mỗi người dân Việt Nam khi nhớ về cội nguồn của các bậc đế vương triều Trần và của dân tộc Việt Nam.

²⁴ Đền Cổ Loa tưởng nhớ An Dương Vương và trang sử cổ đại vừa oai hùng của dân tộc Việt nam những năm trước công nguyên.

²⁵ Lễ hội đền Hai Bà Trưng được tổ chức tại Khu di tích Đền thờ Hai Bà Trưng, xã Mê Linh, huyện Mê Linh, Hà Nội - quê hương của Hai Bà và cũng là nơi Hai Bà xưng vương, lập đô sau khi đã đánh tan giặc ngoại xâm.

²⁶ Lễ hội Phù Dày gắn liền sự tích về Thánh Mẫu Liễu Hạnh, một biểu tượng trong "tứ bất tử" (Sơn Tinh, Thánh Gióng, Chử Đồng Tử và Mẫu Liễu Hạnh) của dân gian Việt Nam

hội chùa Thầy²⁷ (huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội) ...

Ba là, những lễ hội phản ánh cuộc sống lao động, sản xuất (lễ hội săn bắt, trồng trọt, chăn nuôi, buôn bán...), như lễ hội Làng La Cả²⁸ (phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội).

Lễ hội cũng như bất cứ mọi hiện tượng văn hóa, xã hội khác đều chịu sự tác động của bối cảnh kinh tế - xã hội đương thời và nó cũng biến đổi do sự tác động đó. Sự biến đổi của lễ hội, dù là biến đổi những đặc trưng, giá trị hay những hình thức biểu hiện, cũng sẽ tác động rất lớn đến nhận thức, thái độ, tình cảm, lối sống của những cộng đồng dân cư. Bởi lễ hội là sinh hoạt tinh thần cơ bản, phức hợp của các cộng đồng dân cư trong một vùng miền, một quốc gia nhất định.

Trong những năm qua, trước tác động của các yếu tố kinh tế - xã hội, sự phát triển của khoa học, công nghệ, sự mở rộng và giao lưu văn hóa... đời sống tinh thần của người Việt Nam được thể hiện thông qua lễ hội đã có sự biến đổi theo cả hai hướng tích cực và tiêu cực.

2. Biến đổi tích cực trong đời sống tinh thần của người dân Việt Nam thông qua lễ hội

Thứ nhất, những biến đổi tích cực trong quan niệm về sự tôn thờ, sự tưởng nhớ.

Những lễ hội mang tính chất lịch sử, phản ánh cuộc đấu tranh giữ nước, giữ làng tưởng nhớ đến các anh hùng, danh nhân, người có công như lễ hội làng Gióng, lễ hội Đền Trần, lễ hội đền Cổ Loa, lễ hội Hai Bà Trưng, hội đền vua Đinh... đã góp phần

vào việc bảo tồn và xây dựng truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, giáo dục tư tưởng, đạo đức lối sống, lòng yêu quê hương đất nước, lòng tự hào dân tộc với truyền thống lịch sử vẻ vang mà cha ông ta đã gây dựng với những sự hy sinh to lớn, góp phần xây dựng tinh thần đoàn kết trong cộng đồng và xã hội.

Tín ngưỡng thờ Mẫu (Mẹ) như ở Phú Tây Hồ (thành phố Hà Nội), đền Lảnh Giang (huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam), hội Phủ Dầy (tỉnh Nam Định), Phủ Quảng Cung (huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định), đền Dâu, đền Quán Cháo, Phủ Đồi Ngang, phủ Châu Sơn, đền Cô Đồi Thượng Ngàn (ở tỉnh Ninh Bình)... đã góp phần tôn thờ người Mẹ - đấng sinh thành, sáng tạo, bao bọc, che chở cho con người Việt Nam. Tín ngưỡng thờ Mẫu cũng thể hiện một cách độc đáo tinh thần yêu nước, tinh thần đoàn kết của người Việt Nam. Qua đó góp phần củng cố lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, ý thức tự lực, tự cường dân tộc, nâng cao tính chủ động, sáng tạo, tính tích cực xã hội, làm thay đổi căn bản suy nghĩ, tư tưởng, đời sống tinh thần của người dân.

Thứ hai, những biến đổi tích cực trong quan niệm về đời sống tâm linh, tín ngưỡng.

Hầu hết những lễ hội ở Việt Nam đều thể hiện rất rõ quan niệm của cư dân về đời sống tâm linh, tín ngưỡng. Các lễ nghi, văn tế, trò diễn đều hướng đến việc

²⁷ Chùa Thầy vừa thờ Phật theo Mật Tông, vừa thờ thánh. Đức Thánh được thờ ở chùa Thầy là Thiền sư Từ Đạo Hạnh, một vị cao tăng thời Lý (thế kỷ XI).

²⁸ Điểm độc đáo nhất của lễ hội La Cả là diễn tích đánh hổ trong đêm giã hội, phản ánh việc săn bắt của người dân.

thể hiện sự ngưỡng vọng, tôn thờ, tưởng nhớ của những người đang sống đối với những người đã khuất. Đời sống tâm linh được coi trọng cũng đồng nghĩa với việc nền tảng đạo đức xã hội được coi trọng, góp phần giữ gìn, bảo lưu các giá trị của văn hóa tinh thần nhân dân. Lễ Vu lan báo hiếu được người Việt Nam rất coi trọng và thể hiện chân thực những suy nghĩ, tư tưởng của mình, nhằm đem lại những điều tốt đẹp cho những người đang sống và tưởng nhớ đến người đã mất.

Thứ ba, những biến đổi tích cực trong quan niệm về ước mong của con người trong cuộc sống, lao động, sản xuất.

Thông qua lễ hội, những khát vọng, mong muốn, sự tin tưởng của con người vào cuộc sống được thể hiện, phát huy. Thái độ lạc quan, tin tưởng của người dân đã góp phần phát huy tinh thần hăng hái lao động, sản xuất làm giàu cho quê hương, đất nước. Những khát vọng, ý chí vươn lên làm giàu, lập thân, lập nghiệp, xây dựng quê hương, đất nước là hệ quả của những biến đổi tích cực ấy. Tín ngưỡng thờ Mẫu cũng là biểu tượng của ước vọng phong đăng, phồn thực, đằm chồi, nảy lộc, đơm hoa, kết trái, là biểu tượng cho sự trường tồn của giống nòi, của vạn vật.

3. Những biến đổi tiêu cực trong đời sống tinh thần của người dân Việt Nam thông qua lễ hội

Khi Việt Nam bước vào công việc xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách về tự do tín ngưỡng, tôn giáo nhằm định

hướng cho việc xây dựng đời sống văn hóa tinh thần, lành mạnh, tiến bộ. Trong các lễ hội bên cạnh mặt tích cực là chủ yếu thì nhiều mặt tiêu cực cũng xuất hiện, làm mất đi nhiều giá trị truyền thống cơ bản.

Ở một số lễ hội đã thần thánh hóa công trạng của những người được thờ cúng để nâng cấp quy mô lễ hội, thậm chí có nơi thay đổi vai trò lịch sử của những người được thờ cúng. Những hiện tượng phô trương, lãng phí trong tổ chức lễ hội vẫn tồn tại. Một số địa phương đua nhau xây dựng đền thờ, tượng đài, đúc tượng... dẫn đến tâm lý kèn cựa, kích thích thói đồ kỵ, ghen ghét, ích kỷ, háo danh của con người ngay cả trong lĩnh vực linh thiêng.

Bên cạnh đó, do sự thay đổi nhanh chóng về cuộc sống vật chất của người dân Việt Nam nên nhiều lễ nghĩa cũng có sự thay đổi theo hướng tiêu cực. Ở một số lễ hội thể hiện sự xô bồ, bon chen của cuộc sống. Tục “cướp” lộc thánh, “cướp” hoa tre, “cướp” phết đã bị biến tướng, làm mất tính thiêng, lệch lạc trong sự tôn thờ, làm mất đi lòng thành kính, thể hiện lòng tham, sự cuồng vọng cá nhân, dẫn đến sự xuống cấp đạo đức xã hội. Chẳng hạn, xin ấn Đền Trần (tỉnh Nam Định) ban đầu chỉ là để cầu an, trừ tà, trấn yểm, nhưng hiện nay nó biến thành xin ấn để cầu quan, để “thăng quan tiến chức”. Đền Bà Chúa Kho (ở tỉnh Bắc Ninh) cũng đã được huyền thoại hóa thành Bà chúa giữ tiền, kim ngân để mọi người đến vay, mượn, cầu lộc; từ đó hình thành những suy nghĩ, quan niệm lệch lạc khác nhau, làm mất đi ý nghĩa thực sự ban đầu của việc thờ cúng, lễ hội.

Tính thiêng, nghiêm trang của nơi thờ tự đã bị xem nhẹ, thay vào đó là những hành vi thiếu văn hóa, thiếu ý thức xuất hiện. Hiện tượng vật chất hóa, so kè về lễ cúng đã xuất hiện ở hầu hết các lễ hội, đình, chùa, di tích. Ở một số lễ hội, hòm công đức xuất hiện dày đặc gây phản cảm, thể hiện sự thương mại hóa. Ngoài ra, hiện tượng quảng cáo cũng được thực hiện ngay cả ở những không gian tâm linh làm cho lễ hội truyền thống đang có xu hướng biến đổi cả về mục đích, chức năng và vai trò. Từ đây, những hiện tượng xuống cấp về đạo đức, lối sống cũng xuất hiện. Thói háo danh, ganh đua, vơ vét, tham lam quyền chức, bổng lộc của một số người trong xã hội đã “đổ bộ” vào chốn tâm linh. Nhiều nơi được coi là cõi linh thiêng đã bị vấy bẩn bởi sự u mê của cõi trần thế. Tâm lý cầu, xin thần thánh che giấu lỗi lầm, khuất tất trong cuộc sống cũng xuất hiện. Vì vậy, hành động của họ trở nên cuồng tín, tâm lý phò thác, gửi gắm, trông mong xuất hiện. Những suy nghĩ đó dẫn đến lối sống phù phiếm, giả tạo, tạo niềm tin ảo tưởng về cuộc sống, dẫn đến tâm lý ỷ lại, trông chờ vào may rủi mà không chịu lao động, sản xuất để phát triển kinh tế. Có nhiều người không lo lao động mà chỉ lo đi cầu may, tìm lộc thánh nên khi gặp những khó khăn trong cuộc sống họ cảm thấy bế tắc, không lối thoát và có những hành vi tiêu cực.

Lợi dụng lòng tin của những người cuồng tín, những hiện tượng “buôn thần bán thánh” cũng xuất hiện với muôn màu, muôn vẻ. Hiện tượng “đặt lễ thuê”, “khấn vái thuê” cũng xuất hiện. Ngoài ra, những hiện

tượng bói toán, lên đồng, cờ bạc trá hình, rút thẻ, bán sách, tướng số, tử vi, lôi kéo khách hành hương, tranh giành thu tiền bán vé dịch vụ... ở một số lễ hội vẫn tồn tại, làm giảm đi tính tôn nghiêm và những nét đẹp văn hóa trong hoạt động lễ hội. Những hành vi này đi ngược lại tính linh thiêng, văn hóa của lễ hội, biến lễ hội thành sự tha hóa của đời sống trần tục. Hiện tượng đốt vàng mã trong tín ngưỡng dân gian đã bị đẩy lên mức thái quá, bị lạm dụng. Quan niệm “trần sao, âm vậy” nên hiện tượng đốt vàng mã ngày càng lan rộng với số lượng rất lớn, hàng năm tiêu tốn hàng trăm tỷ đồng.

Ở một số lễ hội, vẫn lan tràn nhiều nội dung mê tín dị đoan, bùa chú, lưu hành một số tài liệu về tướng, số, tử vi, phong thủy... gây ảnh hưởng lớn đến suy nghĩ, nhận thức của nhiều người trong xã hội.

Bên cạnh đó, lễ hội hiện nay không còn là hoạt động chung với sự tham gia của cả cộng đồng như trước kia nên tâm lý thờ ơ, vô cảm cũng xuất hiện; vì thế lễ hội cũng trở nên sự nghèo nàn, đơn điệu. Một số lễ hội không còn là nơi nuôi dưỡng tâm hồn, tư tưởng tích cực của của con người như trước đây.

Những điều đó đã phản ánh lối sống thực dụng, ích kỷ của một bộ phận người trong xã hội và nó cũng tác động không nhỏ tới đời sống tinh thần của xã hội nói chung, làm lệch chuẩn những quan niệm, giá trị truyền thống tích cực của lễ hội nói riêng và đời sống văn hóa tinh thần nói chung của xã hội.

Có thể nhận thấy những năm qua các giá trị đạo đức như lương tâm, trách

nhệm, đạo nghĩa, nhân văn, nhân đạo, trung thực, tình nghĩa, khiêm tốn, giản dị, lòng yêu nước; tinh thần đoàn kết; tính cần cù, tiết kiệm và sáng tạo; tinh thần nhân đạo lòng yêu thương và quý trọng con người; lòng dũng cảm, bất khuất, tính khiêm tốn, giản dị, trung thực, thủy chung, lạc quan... của người Việt Nam có xu hướng bị xem nhẹ, mai một. Thay vào đó là thói đạo đức giả, vô lương tâm, vô trách nhiệm, thờ ơ, vô cảm, nhạt nhẽo, lạnh lùng... xa lạ với đạo đức truyền thống Việt Nam xuất hiện ngày càng nhiều, đang làm lệch lạc các chuẩn mực đạo đức truyền thống tốt đẹp và làm xói mòn cấu trúc đạo đức xã hội.

Một số phạm trù đạo đức như hạnh phúc, nghĩa vụ, trách nhiệm... đã có sự thay đổi nhất định về quan niệm, sự biểu trưng và ý nghĩa. Hạnh phúc, nghĩa vụ, trách nhiệm được quy về việc đạt được hoặc thực hiện (đóng góp) những giá trị vật chất đơn thuần. Nó ít gắn với lương tâm, danh dự, nhân phẩm, đạo nghĩa như trước đây. Trong quan hệ gia đình, sự chia sẻ, trách nhiệm, lòng thương yêu giữa cha mẹ và con cái, tính gương mẫu, lòng đạo hiếu, công ơn sinh thành... đã có nhiều thay đổi. Ngày nay, ở nhiều gia đình quan hệ giữa cha mẹ và con cái chỉ còn là nghĩa vụ, thiếu tính gắn kết nên nhiều cá nhân sống trong gia đình nhưng vẫn cảm thấy sự cô đơn. Trách nhiệm giữa cha mẹ với con cái và giữa các thành viên với nhau chỉ quy về việc nuôi nấng mà thiếu đi sự dạy dỗ, rèn luyện nhân cách cho mỗi con người.

Để phát huy những mặt tích cực, khắc phục những mặt hạn chế nhằm góp phần xây dựng đời sống tinh thần lành mạnh cho người Việt Nam, cần chú ý tới những giải pháp sau:

Một là, nghiên cứu một cách có hệ thống, toàn diện về toàn bộ các lễ hội để tìm ra những giá trị tích cực, cũng như những mặt tiêu cực để định hướng nhận thức, kế thừa, phát huy các quan niệm tốt đẹp từ lễ hội truyền thống.

Hai là, tuyên truyền, phổ biến để nâng cao nhận thức về những giá trị tích cực và nhận diện những yếu tố tiêu cực còn tồn tại trong lễ hội.

Ba là, nâng cao đời sống vật chất góp phần xây dựng đời sống tinh thần lành mạnh, khắc phục nhận thức tiêu cực trong nhân dân.

Bốn là, kết hợp việc phát huy quan niệm tích cực trong lễ hội truyền thống với xây dựng quan niệm mới trong lễ hội để góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Có thể nói, lễ hội chính là nét đặc sắc trong kho tàng văn hóa Việt Nam. Lễ hội là cầu nối giữa quá khứ với hiện tại, giúp cho thế hệ hôm nay hiểu được công lao của cha ông và thêm tự hào về truyền thống của quê hương, đất nước. Lễ hội đáp ứng một cách hiện thực, hiệu quả đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân. Mặc dù lễ hội ngày nay có nhiều biến đổi theo cả hai hướng tích cực và tiêu cực, song nếu có một định hướng đúng, có sự quản lý tốt, lễ hội vẫn sẽ góp phần xây dựng đời sống tinh thần của người Việt Nam hiện nay. □